

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2022/DS-PT

Ngày: 26 – 12 – 2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Lộc

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Hồng Hà

Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:**  
Bà Đoàn Thị Kim Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 263/2022/TLPT-DS ngày 30 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 305/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Ngọc P1, sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc P1 có:* Ông Trần Minh Hoan H, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

**- Bị đơn:** Bà Trần Thị P2, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* bà Trần Thị P2 là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2021 của nguyên đơn và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông Trần Minh Hoan H trình bày:*

Ngày 09/02/2020 bà Trần Thị P2 có mượn của ông P1 số tiền 183 triệu đồng, hẹn sau 3 tháng trả lại tiền cho ông P1. Đến nay đã quá 3 tháng mà bà P2 chưa trả đủ tiền cho ông P1.

Từ khi vay tiền thì đến ngày 14/4/2020 dương lịch bà P2 có trả cho ông P1 02 lần tiền với số tiền tổng cộng là 70 triệu đồng nên ông P1 có viết giấy nhận tiền ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 giao cho bà P2 giữ (Khi viết giấy tại nhà bà P2 ông P1 nhớ là có viết 2 tờ giấy có nội dung nhận 70 triệu đồng của bà P2, ông không nhớ tờ nào đúng tờ nào ông viết sai nhưng ông nhớ chỉ có ký tên ghi họ tên có 01 tờ). Tờ nhận nhận tiền ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 (bút lục 30) do bà P2 xuất trình là tờ giấy nhận tiền ông P1 viết lần 1 bị sai ông nói với bà P2 bỏ đi nội dung tờ nhận tiền ông chỉ có viết: “ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Độc lập tự do hạnh phúc. Tờ nhận nhận tiền - Tôi tên Trần Ngọc P1 có nhận số tiền trước sau 70 triệu 2 lần 70 triệu chẵn Trần Thị P2, nay là ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 là tôi có nhận tổng cộng số tiền 70.000.000 đồng” nội dung còn lại của Tờ nhận nhận tiền (bút lục 30) không phải là chữ viết và chữ ký tên ghi họ tên của ông P1 (vì tờ này ông nói sai kêu bà P2 bỏ đi). Cụ thể tờ nhận nhận tiền ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 (bút lục 30) bà P2 có sự sửa chữa và viết thêm vào.

Ở Tờ giấy nhận tiền ngày 14-4-2020 do bà P2 xuất trình ngày 24/6/2022 (bút lục 28) ông Trần Ngọc P1 thừa nhận nội dung tờ nhận tiền ngày 14-4-2020 là ông có viết ký tên ghi họ tên nhưng nội dung ông chỉ viết có nhận của bà P2 2 lần tiền là 70 triệu đồng, phần số “1” thêm vào trước số 70.000.000 và chữ “1 trăm” trước chữ “Bảy chục đồng chẵn” và nội dung “ là một trăm bảy chục triệu ngàn đồng chẵn “170.000.000” là viết thêm không phải là chữ viết của ông P1.

Ông Trần Ngọc P1 không thừa nhận bà P2 đã trả cho ông số tiền 170 triệu đồng mà ông chỉ nhận của bà P2 số tiền là 70 triệu đồng.

Ngày 28/9/2021 Ông P1 khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P2 trả cho ông P1 số tiền vốn gốc là 183 triệu đồng, ông P1 không yêu cầu bà P2 trả tiền lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 24/12/2021 nguyên đơn có sửa đổi yêu cầu khởi kiện, ông P1 thừa nhận phía bị đơn bà P2 đã trả cho ông P1 số tiền là 70

triệu đồng nên ông Trần ngọc P1 chỉ yêu cầu bà Trần Thị P2 trả cho ông P1 số tiền 113 triệu đồng, ông P1 không yêu cầu bà P2 trả tiền lãi.

*Ý kiến trình bày của bà Trần Thị P2:*

Bà P2 xác định bà có mượn tiền của ông P1 nhiều lần, thời gian bắt đầu mượn tiền là năm 2018 lúc đầu mượn chỉ có 38 triệu đồng, lãi suất thỏa thuận 1 triệu đồng là 150.000 đồng tháng, nếu không đóng tiền lời thì tháng sau cộng vào vốn gốc tính tiền lãi tiếp, sau nhiều tháng bà trả tiền lãi cho ông P1 đến ngày 30/10/2019 bà có nhận thêm 15 triệu đồng, đôi bên tính lại tiền nợ thì bà thống nhất nợ ông P1 số tiền 115 triệu đồng. Lúc đó, mỗi tháng bà phải đóng tiền lời 15 triệu đồng tháng. Do khó khăn bà không có tiền đóng lời nên đến ngày 09/2/2020 thì bà với ông P1 tính toán lại nợ thì bà thống nhất nợ số tiền 183 triệu đồng, mặc dù tiền lãi suất cao nhưng bà vẫn đồng ý nợ ông P1 số tiền 183 triệu đồng, bà có viết giấy nợ và ký tên xác nhận cho ông P1 (Giấy mượn tiền ngày 09/2/2020 ông P1 giữ). Đến ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 bà bán đất có tiền nên trả tiền cho ông P1 số tiền 170 triệu đồng, còn 13 triệu đồng thì ông P1 hứa cho bà nên bà chỉ trả 170 triệu là tất nợ, sự việc này thì ông P1 có tự tay viết ký tên vào 02 tờ nhận tiền ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 giao cho bà giữ. Cho nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà đã trả hết nợ cho nguyên đơn rồi.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã xử;*

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 161 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P1 đối với bà Trần Thị P2.
2. Buộc Bà Trần Thị P2 có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc P1 số tiền là 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, về chi phí giám định, về nghĩa vụ thi hành án và về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2022 bà Trần Thị P2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P1 do bà đã trả đủ tiền cho ông P1.

***Tại phiên tòa phúc thẩm***

Bà Trần Thị P2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả ông Trần Ngọc P1 số tiền 113.000.000đ vì bà cho rằng đã trả cho ông P1 số tiền 170.000.000đ, còn 13.000.000đ ông P1 hứa cho bà nên coi như bà đã trả xong nợ cho ông P1.

Ông Trần Minh Hoang H đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc P1 không đồng ý theo kháng cáo của bà Trần Thị P2. Ông H đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

***Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành tốt quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Trần Thị P2 là chưa đủ căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị P2, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bà Trần Thị P2 phải chịu án phí phúc thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về tố tụng:** Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 26/9/2022, ngày 07/10/2022 bà Trần Thị P2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà Trần Thị P2 còn trong hạn luật định, bà P2 đã nộp tiền tạm ứng án phí đầy đủ đúng quy định, nên kháng cáo hợp lệ. Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung:** Xét kháng cáo của bà Trần Thị P2 yêu cầu xem xét bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P1. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bà Trần Thị P2 thừa nhận có nợ ông P1 số tiền 183.000.000đ theo tờ biên nhận nợ ngày 09/02/2020, nhưng bà P2 cho rằng bà đã trả cho ông Trần Ngọc P1 số tiền 170.000.000đ còn lại 13.000.000đ ông P1 hứa cho bà P2, nên coi như bà đã trả đủ tiền nợ cho ông P1. Ông Trần Minh Hoan H đại diện cho ông Trần Ngọc P1 chỉ thừa nhận bà P2 chỉ mới trả cho ông P1 số tiền 70.000.000đ còn nợ ông P1 số tiền 113.000.000đ.

Xét việc bà P2 cho rằng vào ngày 14/4/2020 bà đã trả cho ông P1 số tiền 170.000.000đ thể hiện bằng 02 biên nhận ngày 14/4/2020 do ông Trần Ngọc P1 viết cho bà. Phía ông P1 có ông Trần Minh Hoan H đại diện thừa nhận ông P1 có viết biên nhận nhận tiền cho bà P2 vào ngày 14/4/2020 chỉ có nhận số tiền 70.000.000đ, các biên nhận do bà P2 cung cấp tại bút lục số 28, 30 có sửa chữa, nên không đúng nội dung như ông P1 viết cho bà P2. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị P2 xác định chữ viết trong biên nhận ngày 14/4/2020 là do ông P1 viết bà không có sửa chữa lại. Phía ông Trần Ngọc P1 xác định biên nhận ngày 14/4/2020 do ông viết cho bà P2 nhưng đã bị sửa chữa từ 70.000.000đ thành 170.000.000đ, nên ông P1 không đồng ý. Ngoài ra ông P1 không thừa nhận có hứa cho bà P2 số tiền nào.

Căn cứ kết luận giám định số 176/KL-KTHS ngày 11/5/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long kết luận:

1. Chữ viết có nội dung “Nay là ngày 14 tây tháng 4 năm 2020 là tôi có nhận tổng cộng số tiền 1700.000.000 đồng” trên tờ nhận nhận tiền (Bút lục 30) (Trừ chữ số 1 và chữ số 0 ở hàng triệu trong dãy chữ số 1700.000.000) là cùng một người viết ra.

2. Chữ viết có nội dung “Một trăm bảy chục triệu” không phải do cùng một người viết ra.

3. Chữ viết họ tên “Trần Ngọc P1” dưới chữ ký P1 không phải do cùng một người viết ra.

4. Không đủ cơ sở kết luận chữ số “1” và chữ ký mang tên Trần ngọc P1 có phải do cùng một người viết ra hay không.

Căn cứ kết luận giám định số 549/KL-KTHS ngày 01/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Long kết luận:

1. Chữ viết có nội dung “là một trăm bảy chục chiệu ngàn đồng chẵn <<170.000.000))” không phải do cùng một người viết ra.

2. Không đủ cơ sở kết luận chữ số “1” và chữ viết “1 trăm” có cùng một người viết ra hay không.

Do đó án sơ thẩm xử buộc bà Trần Thị P2 trả ông Trần Ngọc P1 số tiền 113.000.000đ là có căn cứ. Nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P2 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P2 phải nộp án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị P2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 94/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ.

Căn cứ các Điều 147 và 161 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Ngọc P1 đối với bà Trần Thị P2.

**2.** Buộc Bà Trần Thị P2 có trách nhiệm trả cho ông Trần Ngọc P1 số tiền là 113.000.000 đồng (Một trăm mười ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Trần Thị P2 phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ bà Trần Thị P2 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004341 ngày 07/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Bà Trần Thị P2 đã nộp đủ.

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**5.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**6.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS huyện Long Hồ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu tổ HCTP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**ĐẶNG VĂN LỘC**